



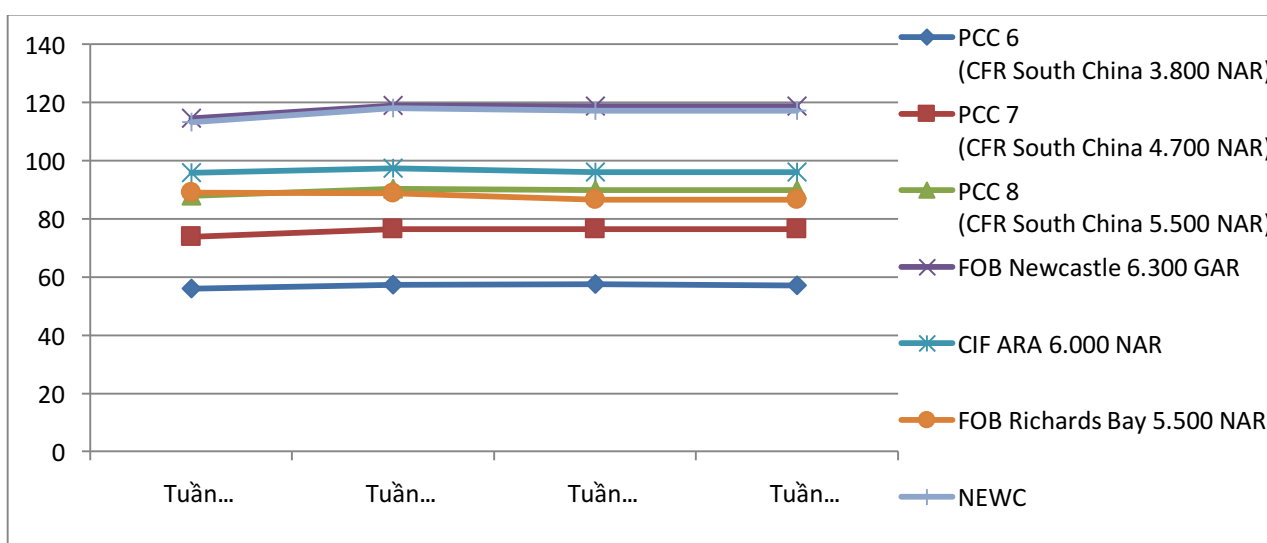
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN THÁNG 6
 (Từ 01/06 – 30/06/2018)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 04/06-08/06	Tuần 11/06-15/06	Tuần 18/06-22/06	Tuần 25/06-29/06
PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR)	56	57,42	57,61	57,12
PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR)	73,93	76,52	76,85	76,57
PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR)	87,85	90,31	91,00	89,94
FOB Newcastle 6,300 GAR	114,61	119	117,70	118,73
CIF ARA 6,000 NAR	95,85	97,4	97,07	96,11
FOB Richards Bay 5,500 NAR	89,05	88,81	86,67	86,66
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	113,30	118,09	116,27	117,26



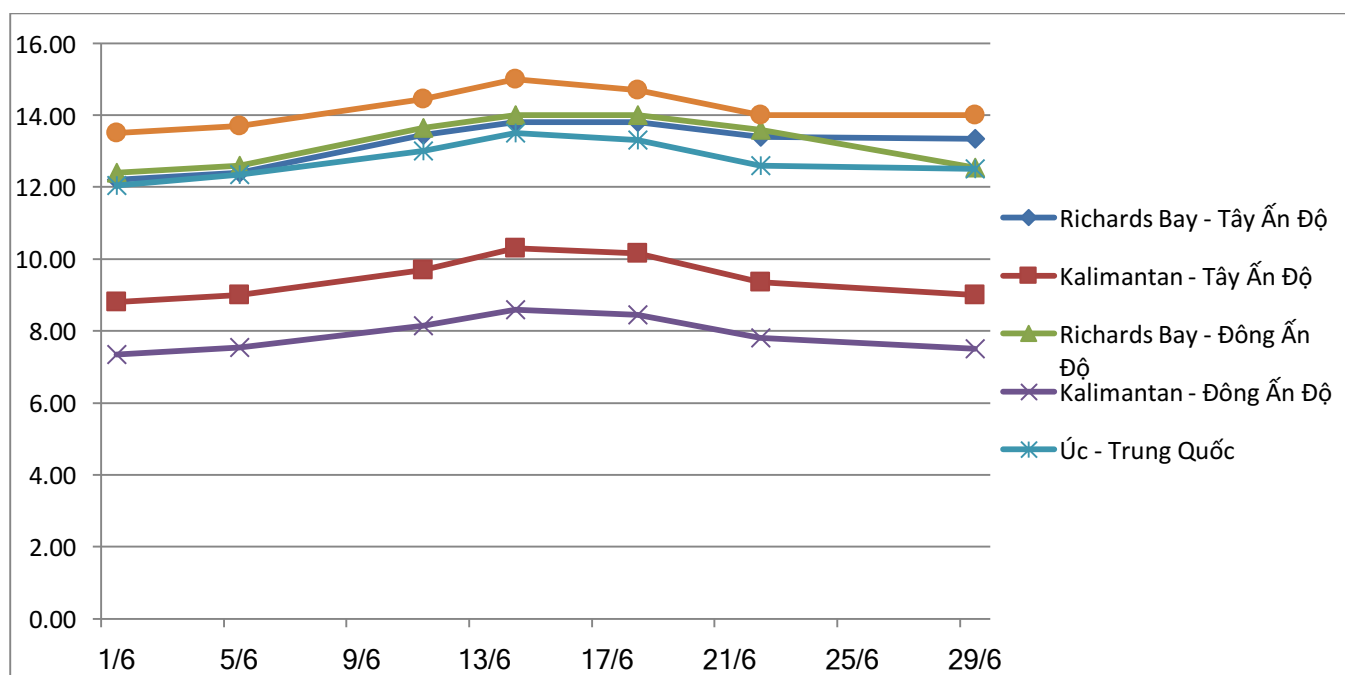
Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tháng 6 (2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CUỘC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tháng 6	01/06	05/06	11/06	14/06	18/06	22/06	29/06
Tàu Capesize (150.000 tấn)								
1	Úc – Trung Quốc	9,20	9,80	9,50	9,70	9,70	8,80	9,00
2	Queensland – Nhật Bản	10,55	11,20	10,95	11,20	11,20	10,20	10,35
3	New South Wales – Hàn Quốc	11,25	11,90	11,65	11,95	11,95	10,95	11,10
Tàu Panamax (70.000 tấn)								
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	12,20	12,40	13,45	13,80	13,80	13,40	13,35
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	8,80	9,00	9,70	10,30	10,15	9,35	9,00
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	12,40	12,60	13,65	14,00	14,00	13,60	12,55
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	7,35	7,55	8,15	8,60	8,45	7,80	7,50
5	Úc - Trung Quốc	12,05	12,35	13,00	13,50	13,30	12,60	12,50
6	Úc - Ấn Độ	13,50	13,70	14,45	15,00	14,70	14,00	14,00



Biểu đồ 2: Giá cước vận tải quốc tế tháng 6 (2018)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

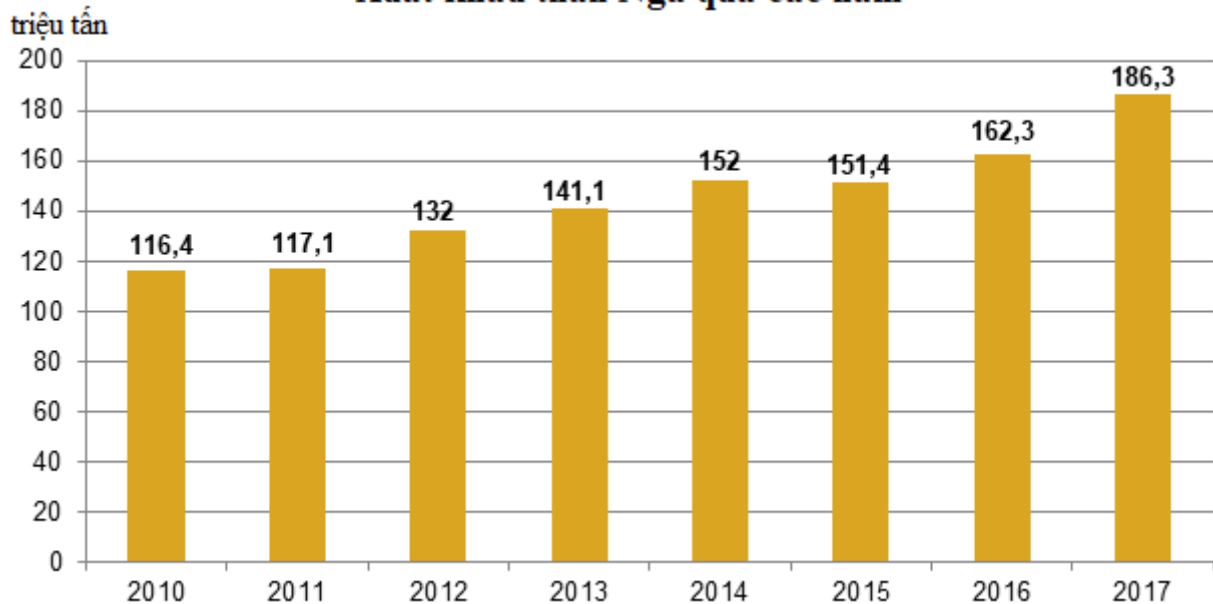
II. ĐIỂM TIN

Lượng than xuất khẩu trong tháng 6 của Nga đạt 16,2 triệu tấn

Trong tháng 6, lượng than xuất khẩu của Nga đã đạt 16,2 triệu tấn, giảm 5% so với tháng trước đó nhưng tăng 1,3% so với cùng kỳ năm ngoái, theo số liệu của Bộ Năng lượng Liên bang Nga. Trong giai đoạn nửa đầu năm 2018, tổng khối lượng xuất khẩu đạt 93,12 triệu tấn, tăng 3% so với số 90,44 triệu tấn của cùng kỳ năm 2017. Khối lượng than nhiệt trong tổng lượng than xuất khẩu trong tháng 6 chưa được công bố.

Công tác xếp dỡ than tại các cảng ở Baltic trong tháng 6 gặp trục trặc khiến lượng than nhiệt cung cấp cho Châu Âu giảm xuống, điều này dẫn đến lượng than xuất khẩu trong tháng giảm. Ngoài ra lượng than dự trữ tại Tây Bắc Âu ổn định cũng khiến các công ty Châu Âu giảm nhu cầu mua than. S&P Global Platts đánh giá than Nga nhiệt trị 6.000 kcal/kg NAR 90 ngày, điều kiện FOB Baltic trong tháng 6 ở mức 90,75 USD/tấn, tăng 6 USD so với tháng 5, giá than nhiệt trị 6.300 kcal/kg GAR 90 ngày, điều kiện FOB Nga Thái Bình Dương ở mức 114 USD/tấn, tăng 7,75 USD so với tháng trước.

Xuất khẩu than Nga qua các năm



Giá than nhiệt HBA của Indonesia tháng 7 ở mức 104,65 USD/tấn

Bộ Năng lượng và Tài nguyên Khoáng sản Indonesia cho biết giá than nhiệt Indonesia HBA trong tháng 7 ở mức 104,65 USD/tấn, tăng 8,3% so với tháng trước, và 32,6% so với cùng kỳ năm 2017. Bộ Năng lượng và Tài nguyên Khoáng sản đặt giá cho tháng 6 ở mức 96,61 USD/tấn, và cho tháng 7 năm 2017 là 78,95 USD/tấn. Giá HBA của tháng 7 năm nay cao hơn mức kỷ lục 105,61 USD/tấn của tháng 4 năm 2012. Giá HBA trung bình hàng tháng dựa trên 25% các chỉ số giá Platts Kalimantan 5.900 kcal/kg GAR, Argus-Indonesia Coal Index (6.500 kcal/kg GAR); Newcastle Export Index (6.322 kcal/kg GAR) và globalCOAL Newcastle (6.000 kcal/kg NAR).

Trong tháng 6, giá trung bình theo ngày của than Kalimantan nhiệt trị 5.900 kcal/kg GAR đạt mức 83,46 USD/tấn, điều kiện FOB, tăng từ mức 78,32 USD/tấn trong tháng 5, trong khi mức giá Platts trung bình trong 7 - 45 ngày cho than nhiệt trị 6.300 kcal/kg GAR đạt 117,22 USD/tấn, tăng từ mức 106,04 USD/tấn trong tháng 5. Giá HBA cho than nhiệt là cơ sở xác định giá cho 77 loại than của Indonesia và tiền thuê mỏ mà các nhà sản xuất phải trả cho mỗi tấn than được bán ra. HBA dựa trên than 6.322 kcal/kg GAR độ ẩm 8%, độ tro 15% và 0,8% lưu huỳnh.

Lượng than Australia xuất khẩu từ cảng Gladstone tăng cao trong tháng 6

Lượng than xuất khẩu từ cảng Gladstone tại Queensland, Australia trong tháng 6 tiếp tục giữ ở mức cao sau khi tăng đột biến trong tháng 5, theo thông tin từ cảng vụ Gladstone (GPC). Tổng cộng đã có 6,29 triệu tấn than được xuất từ cảng Gladstone trong tháng, chỉ giảm 1% so với tháng 5, tháng cao nhất trong vòng 17 tháng với 6,35 triệu tấn. Cảng Gladstone hiện đang sở hữu bốn bến than RG Tanna có công suất làm hàng hơn 60 triệu tấn/năm, bến Wiggins Island hiện đang hoạt động với công suất 8 triệu tấn/năm và công suất làm hàng thiết kế là 27 triệu tấn/năm. Theo thống kê, trong tổng lượng than xuất khẩu từ cảng Gladstone, khoảng 70% là than luyện kim và 30% là than nhiệt. Trước tháng 5, xuất khẩu than từ Gladstone đã giữ ở mức thấp trong suốt năm 2018, và không vượt quá mức 5 triệu tấn/tháng. Tuyến đường sắt Blackwater kết nối các mỏ trong khu vực Gladstone, đã phải đối mặt với một số vấn đề do bão và nhiệt độ quá cao vào đầu năm.

Nếu tính theo công suất trung bình của 6 tháng đầu năm, xuất khẩu than của Gladstone có thể đạt 64,04 triệu tấn trong cả năm 2018, so với thực tế xuất khẩu 68,29 triệu tấn của năm 2017 và 69,98 triệu tấn trong năm 2016. Xuất khẩu sang Ấn Độ trong tháng 6 đạt 1,56 triệu tấn, giảm 20% so với mức cao nhất của tháng 5 là 1,95 triệu tấn tuy nhiên vẫn tương đối cao so với các tháng gần đây, theo số liệu của GPC. “Tính từ đầu năm đến nay, nhập khẩu than luyện kim của Ấn Độ đã tăng trưởng ấn tượng nhờ ngành thép phát triển”, Bộ trưởng Năng lượng Australia cho biết. “Ấn Độ đã nhập khẩu 11 triệu tấn than luyện kim từ Australia trong quý III, tăng 22% so với năm ngoái, trong khi nhập khẩu từ Bắc Mỹ tăng 146% lên 2,5 triệu tấn. Các nhà máy thép

của Ấn Độ đã chuyển sang Bắc Mỹ (đặc biệt là Mỹ) để tìm nguồn cung thay thế sau khi nguồn cung tại Australia gặp gián đoạn do thời tiết. Nhập khẩu than của Ấn Độ từ khu vực Bắc Mỹ dự kiến sẽ giảm đi khi nguồn cung từ Australia ổn định và giá giảm xuống”.

Sản lượng than tiêu thụ tại Hàn Quốc cũng tăng mạnh trong tháng 6 với 961.000 tấn, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước, đạt 830.000 tấn và 156% so với 375.000 tấn xuất khẩu trong tháng 5. “Nhập khẩu than luyện kim tại Hàn Quốc dự kiến sẽ tăng trưởng từ từ trong vài năm tới, khi ngành thép phát triển để đáp ứng nhu cầu nội địa và tăng cường xuất khẩu”.

Một trong những khách hàng lớn nhất của Gladstone là Nhật Bản, nhập khẩu 1,44 triệu tấn than trong tháng 6 - giảm 14% từ 1,67 triệu tấn trong cùng kỳ năm ngoái và 34% so với 2,18 triệu tấn xuất khẩu trong tháng 5. Nhập khẩu thép thành phẩm của Nhật Bản cũng được dự báo sẽ tăng trưởng từ từ trong vài năm tới khi ngành thép nước này được hỗ trợ vốn, và tăng trưởng trong lĩnh vực xuất khẩu ô tô và chế biến, đồng thời nhu cầu lớn từ các dự án liên quan đến Olympic năm 2020, theo thông tin từ báo cáo Resources and Energy Quarterly.

Các chuyến hàng từ Gladstone đến Trung Quốc, bao gồm cả Hồng Kông, đã đạt 1,52 triệu tấn trong tháng 6, tăng 28% so với mức 1,19 triệu tấn năm 2017 và tăng 32% so với 1,15 triệu tấn trong tháng 5, theo số liệu của GPC. Nhu cầu nhập than luyện kim của Trung Quốc giảm do giá cước vận chuyển đường biển cao, điều này đã khuyến khích các nhà sản xuất thép giảm lượng than dự trữ và sử dụng than nội địa giá cạnh tranh hơn. Nhu cầu cũng có thể bị ảnh hưởng bởi việc sử dụng sắt chất lượng cao trong các nhà máy thép của Trung Quốc, cho phép giảm lượng than nhiên liệu đầu vào. Dự đoán nhập khẩu than luyện kim của Trung Quốc sẽ tăng trở lại trong ngắn hạn nhờ tăng trưởng trong ngành thép. Tuy nhiên, từ năm 2018 trở đi, lượng than nhập khẩu dự báo sẽ giảm dần do sản lượng thép sụt giảm và việc sử dụng quặng sắt chất lượng cao. Xuất khẩu than từ Gladstone đến Đài Loan đạt 173.000 tấn trong tháng 6, tăng 3% so với 168.000 tấn trong tháng 6 năm ngoái và 151.000 tấn trong tháng 5, theo dữ liệu của GPC.

(Nguồn: Platts)